| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 04/2023/QĐST-DS. | *Long An, ngày 01 tháng 6 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Nhật.
2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản:* Bà Mai Yến Khanh

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 91/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022.

## XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu: Tại phiên tòa các bên đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Đề nghị, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:
*Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

*Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1941.
Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.
*Người đại diện theo ủy quyền của ông H:* Ông Phạm Quang M, sinh năm 2001; Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H:* Luật sư Nguyễn Thị Mộng Q, Công ty L3 - thuộc Đoàn luật sư Thành phố H.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bà Võ Thị P, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

3. Bà Đào Thị L, sinh năm 1965.

4. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965.

Cùng địa chỉ: số D ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

5. Bà Giả Thị Ngọc L1, sinh năm 1971.

6. Ông Nguyễn Văn N1, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: số A ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

7. Ông Nguyễn Phước L2, sinh năm 2000.

8. Ông Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

9. Ủy ban nhân dân huyện C.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

10. Ông Nguyễn Hoài N2, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

11. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

12. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà H2, bà B và ông N2:* Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

13. Bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

**2.** Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất 309m$^2$, thuộc thửa đất số 1987, tờ bản đồ số 7, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 908182 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn H ngày 30/7/2008.

2.2. Bà Phạm Thị Đ được tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất đo thực tế là 309m$^2$, vị trí đất tại khu A1, thuộc thửa đất số 1987, tờ bản đồ số 7, loại đất lúa, đất tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Long An và toàn bộ vật kiến trúc, cây trồng trên đất.

2.3. Bà Phạm Thị Đ và ông Nguyễn Văn H được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký, kê khai, cấp, điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản gắn liền với đất theo quy định pháp luật về đất đai. Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biến động hoặc cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết vụ án. Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

2.4. Vị trí, tứ cận đất tại khu A1 theo Mảnh trích đo địa chính số 286-2021 do Công ty TNHH Đ1 vẽ ngày 07/5/2021, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai phê duyệt ngày 11/5/2021.

2.5. Bà Phạm Thị Đ và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn H số tiền 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên có nghĩa vụ chậm thi hành sẽ phải chịu thêm khoản tiền lãi tính trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2.6. Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H về việc đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.7. Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí là 45.800.000 đồng. Bà Phạm Thị Đ và ông Nguyễn Văn H tự nguyện thỏa thuận bà Đ chịu 25.800.000 đồng, ông H chịu 20.000.000 đồng, số tiền này ông H và bà Đ đã nộp và chi phí xong.

2.8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí, bà Đ được khấu trừ số tiền 1.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008165 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. H3 lại cho bà Đ số tiền 950.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H được miễn án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phùng Thị Cẩm Hồng**